

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K PL
TỈNH K T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và
tranh chấp các khoản nợ chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K PL, TỈNH K T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

2. Ông Phan Quốc Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K Pl, tỉnh K T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K Pl, tỉnh K T tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Phòng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K Pl, tỉnh K T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và tranh chấp các khoản nợ chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐ11ST-HNGĐ ngày 30/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thúy S; sinh năm: 198x

Địa chỉ: 2x Phan Đình Ph, tổ dân phố x, thị trấn M Đ, huyện Plông, tỉnh K T. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Thanh M, Sinh năm: 198x.

Địa chỉ: 2x Phan Đình Ph, tổ dân phố x x, thị trấn M Đ, huyện K Pl, tỉnh K T. Vắng mặt lần 2 không có lý do.

- Tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: 0x Láng H, phường Thành C, quận B Đ, Tp. H N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn Th - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh Ch– Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy, tỉnh K T – Phòng giao dịch huyện K Pl.

Địa chỉ: Thôn 1, lã Tân Lập, huyện Kon Rẫy, tỉnh K T (Có mặt).

+ Ngân hàng chính sách lã hội Việt Nam (NHCS1HVN).

Địa chỉ: Tòa nhà số CCx - Bán đảo Linh Đ, quận H M, Thành phố Hà N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th– Tổng Giám đốc NHCSXHVN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Phú C– Phó Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện K Pl, tỉnh K T (theo quyết định ủy quyền tham gia tổ tụng 312/QĐ-NHCS ngày 25/8/2022).

Địa chỉ: Số 2x, đường Võ Nguyên G, tổ dân phố x, thị trấn M Đ, huyện K Pl, tỉnh K T. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2022, Bản tự khai đề ngày 09/8/2022, quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy S trình bày:

Chị Phạm Thị Thúy S và anh Trần Thanh M có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Long (nay là thị trấn M Đ), huyện K Pl, tỉnh K T theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 04/3/2008. Trong những năm đầu kết hôn, chị S anh M chung sống hạnh phúc. Từ năm 2018 đến nay, vợ chồng phát S nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, khắc phục được. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M làm ăn không bản bạc với vợ dẫn đến nợ nần bên ngoài với khoản tiền lớn, vay các app ứng dụng với lãi suất cao, để chủ nợ gọi điện, đe dọa và đăng hình chị S lên mạng làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của chị S. Chị S và anh M đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay và chị S đã thuê nhà ở riêng, không còn quan tâm lo lắng gì với nhau. Chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Trần Thanh M.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Trần Phạm Quỳnh Nh, Sinh ngày 30/4/2009 và Trần Phạm Tuấn K, Sinh ngày 02/4/2014. Trên tinh thần nguyện vọng của 02 con chung và sau khi ly hôn chị S có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng 02 con chung, vì các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ; anh M đi làm 1a tại xã ĐN cách thị trấn M Đ khoảng 60km nên không thể chăm sóc các con được.

Về cấp dưỡng nuôi 02 con: Yêu cầu anh M phải cấp dưỡng cho mỗi con là 2.000.000đồng/tháng (4.000.000đ/02 con/ 01 tháng).

Thời gian cấp dưỡng cho 02 con kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con đều đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng: hàng tháng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung:

Quá trình chung sống anh Trần Thanh M có vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện K R, tỉnh K T – Phòng giao dịch huyện K Pl và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (NHCSHVN) – Phòng giao dịch huyện K Pl gồm:

- Vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-202001375 ngày 25/9/2020, hiện còn tổng dư nợ là 50.021.869 đồng (Trong đó: tiền gốc: 49.989.000, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 32.869 đồng).

- Vay vốn theo Hợp đồng khấu chi số 5104-LAV-202102113 ngày 31/12/2021, hiện còn tổng dư nợ là 100.281.739 đồng (Trong đó: tiền gốc 99.464.225 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 817. 514 đồng).

- Vay vốn chương trình hộ sản luật kinh doanh vùng khó khăn theo mã món vay: 6600000718995626 ngày 15/10/2020, hiện còn tổng dư nợ là 50.184.930 đồng (Trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 184.930 đồng).

- Vay vốn chương trình nước sạch vệ S môi trường ở nông thôn theo mã món vay: 6600000711208573 ngày 20/9/2017, hiện còn tổng dư nợ là 12.044.380 đồng (Trong đó: tiền gốc 12.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 44.380 đồng).

Đối với các khoản nợ nêu trên tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Kon Rẫy, K T - Phòng giao dịch huyện K Pl và tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch ngân hàng chính sách huyện K Pl do anh M đứng ra vay, không có sự bàn bạc thống nhất của chị S và chị S cũng không biết anh M vay sử dụng vào mục đích gì nên yêu cầu anh M có trách nhiệm trả nợ cho 02 Ngân hàng khi đến hạn theo quy định.

Về phía bị đơn: Tại Bản tự khai đề ngày 15/8/2022 và tại biên bản làm việc ngày 19/8/2022 anh Trần Thanh M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh M thống nhất theo lời trình bày của chị S. Tuy nhiên, anh M không đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị S, vì mâu thuẫn vợ chồng anh chị chưa đến mức trầm trọng, tình thương và trách nhiệm với 02 con chung cần có cha mẹ nên anh M vẫn mong muốn được đoàn tụ với chị S.

Về con chung: Có 02 con chung là Trần Phạm Quỳnh Nh, Sinh ngày 30/4/2009 và Trần Phạm Tuấn K, Sinh ngày 02/4/2014. Anh M không đồng ý với yêu cầu của chị S về việc nuôi 02 con, anh mong muốn về đoàn tụ cùng chị S để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung. Trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho anh và chị S ly hôn thì anh M xin được quyền nuôi con Trần Phạm

Tuấn K, chị S nuôi Trần Phạm Quỳnh Nh đồng thời anh M sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi cháu Nhi 2.000.000 đồng/ tháng theo yêu cầu của chị S.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung của vợ chồng: Anh M thừa nhận quá trình chung sống anh có vay các khoản nợ tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Phòng giao dịch huyện K Pl và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện K Pl do anh tự đứng ra vay nên anh có trách nhiệm trả nợ cho các ngân hàng khi đến hạn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện KR, tỉnh K T - Phòng giao dịch huyện K Pl thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Phạm Văn Ch trình bày:

Hiện nay, vợ chồng anh Trần Thanh M và chị Phạm Thị Thúy S đang còn nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Kon Rẫy, tỉnh K T - Phòng giao dịch huyện K Pl số tiền vay, cụ thể như sau:

- Vay vốn theo Hợp đồng tín dụng số 5104-LAV-202001375 ngày 25/9/2020, hiện còn tổng dư nợ là 50.021.869 đồng (Trong đó: tiền gốc: 49.989.000, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 32.869 đồng).

- Vay vốn theo Hợp đồng khấu chi số 5104-LAV-202102113 ngày 31/12/2021, hiện còn tổng dư nợ là 100.281.739 đồng (Trong đó: tiền gốc 99.464.225 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 817. 514 đồng).

Các hợp đồng vay của anh M, chị S chưa đến hạn trả nợ nên đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện KR, tỉnh K T – Phòng giao dịch huyện K Pl để cho anh M, chị S tiếp tục sử dụng vốn vay sau này khi đến hạn mà anh M, chị S không trả đúng hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ vay của anh M, chị S trong vụ án Hôn nhân và gia đình.

Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K Pl, tỉnh K T thông qua người đại diện theo ủy quyền là ông Đỗ Phú C trình bày:

Hiện nay, vợ chồng anh Trần Thanh M và chị Phạm Thị Thúy S đang còn nợ tại Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K Pl, tỉnh K T số tiền vay, cụ thể như sau:

- Vay vốn chương trình hộ sản xuất kinh doanh vùng khó khăn theo mã món vay: 6600000718995626 ngày 15/10/2020, hiện còn tổng dư nợ là 50.184.930 đồng (Trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 184.930 đồng).

- Vay vốn chương trình nước sạch vệ sinh môi trường ở nông thôn theo mã món vay: 6600000711208573 ngày 20/9/2017, hiện còn tổng dư nợ là 12.044.380 đồng (Trong đó: tiền gốc 12.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 44.380 đồng).

Các hợp đồng vay của anh M, chị S chưa đến hạn trả nợ nên đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K Pl, tỉnh K T để cho anh M, chị S tiếp tục sử dụng vốn vay sau này khi đến hạn mà anh M, chị S không trả đúng hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ vay của anh M, chị S trong vụ án Hôn nhân và gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K Pl, tỉnh K T tham gia phiên tòa phát biểu về việc chấp hành pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

* Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, trong đó nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Đối với bị đơn, Tòa án đã tiến hành các biện pháp tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần 1 nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và tổng đạt lần 2 hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 221 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thúy S và anh Trần Thanh M trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Long, huyện K Pl, tỉnh K T theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 04 tháng 3 năm 2008 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị S và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M làm ăn không bản bực với vợ nên dẫn đến nợ nần nhiều, không quan tâm, chăm sóc vợ con; hơn nữa qua quá trình xác minh, hiện nay chị S đang thuê trọ S sống cùng 02 con, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị Phạm Thị Thúy S và anh Trần Thanh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không hợp tác, không tích cực tìm hướng thuyết phục chị S quay về chung sống, xây dựng gia đình mà tìm cách đối phó. Vì vậy, việc xin ly hôn của chị Phạm Thị Thúy S là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 221, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 370 của Bộ luật dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy S về việc xin ly hôn, nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Trần Thanh M cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000đ/1 con /1 tháng) đến khi các con đều đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng 1ết 1ử không đề cập.

Về các khoản nợ chung:

Tại phiên tòa, ông Phạm Thanh Ch đại diện ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện KR, tỉnh K T - Phòng giao dịch huyện K Pl trình bày các hợp đồng vay của anh M, chị S chưa đến hạn trả nợ nên để cho anh M, chị S tiếp tục sử dụng vốn vay sau này khi đến hạn mà anh M, chị S không trả đúng hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ vay của anh M, chị S trong vụ án Hôn nhân và gia đình là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa, ông Đỗ Phú C đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K Pl, tỉnh K T trình bày các hợp đồng vay của anh M, chị S chưa đến hạn trả nợ nên để cho anh M, chị S tiếp tục sử dụng vốn vay sau này khi đến hạn mà anh M, chị S không trả đúng hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ vay của anh M, chị S trong vụ án Hôn nhân và gia đình là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, yêu cầu, ý kiến của các đương sự đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Vụ án xin ly hôn, nuôi con chung và tranh chấp nợ chung giữa nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy S và bị đơn anh Trần Thanh M và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng trú tại: thị trấn M Đ, huyện K Pl, tỉnh K T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K Pl theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ 2 mà anh M vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 221 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: xét quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị Thúy S và anh Trần Thanh M trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Long, huyện K Pl, tỉnh K T (nay là UBND thị trấn M Đ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 04 tháng 3 năm 2008 là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị S và anh M phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M làm ăn không bản bạc với vợ nên dẫn đến nợ nần nhiều, không quan tâm, chăm sóc vợ con; hơn nữa qua quá trình xác minh, hiện nay chị S đang thuê ở trọ cùng 02 con chung, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng của chị Phạm Thị Thúy S và anh Trần Thanh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh M không hợp tác, không tích cực tìm hướng thuyết phục chị S quay về chung sống, xây dựng gia đình mà tìm cách đối phó. Tại phiên tòa, anh M vắng mặt lần 2 không có lý do thể hiện anh không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Vì vậy, việc xin ly hôn của chị Phạm Thị Thúy S là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Phạm Thị Thúy S và anh Trần Thanh M ly hôn.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng chị S anh M có 02 con chung là Trần Phạm Quỳnh Nh, sinh ngày 30/4/2009 và Trần Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/4/2014. Chị S có nguyện vọng nuôi 02 con chung sau khi ly hôn và yêu cầu anh M cấp dưỡng 2.000.000đồng/01 tháng/01 con đến khi 02 con đều đủ 18 tuổi (4.000.000đồng/02 con/01 tháng).

Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con.

Xét thấy, hiện tại các cháu Trần Phạm Quỳnh Nh và Trần Phạm Tuấn K đã trên 07 (bảy) tuổi, hiện nay các cháu Nh và K đang ở với chị S và học tập tại thị trấn M Đ, huyện K Pl; cháu Nh và K có bản tự khai đề ngày 09/8/2022, có nguyện vọng được ở với mẹ (chị Phạm Thị Thúy S). Anh M trình bày là nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh xin được quyền nuôi con Trần Phạm Tuấn K và anh sẽ cấp dưỡng cho chị S mỗi tháng 2.000.000đồng để chị S nuôi con Trần Phạm Quỳnh Nh nhưng hiện nay anh M đang công tác tại xã Đ N cách thị trấn M Đ, huyện K Pl khoảng 60km, giao thông đi lại khó khăn. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Nh và K còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ, hơn nữa chị Phạm Thị Thúy S có công việc làm ổn định tại thị trấn M Đ, huyện K Pl, thu nhập ổn định khoảng 7.000.000 đồng/ tháng. Mặt khác, trong thời gian chị S và anh M sống ly thân chị S vẫn một mình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu đảm bảo và hiện nay cháu Nh và K đang học tập và S sống tại thị trấn M Đ cùng với chị S, nên Hội đồng xét xử nhận thấy để cháu Nh và K có cuộc sống ổn định sau khi ly hôn, phù hợp với nguyện vọng của 02 cháu thì cần giao cháu Nh và K cho chị Phạm Thị Thúy S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp nên được chấp nhận.

Trong thời gian chị S nuôi, chăm sóc, giáo dục 02 con, anh Trần Thanh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh M.

[3.3] Về chi phí cấp dưỡng:

Chị S yêu cầu anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con 4.000.000 đồng/01 tháng (2.000.000đ/01tháng/01con). Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy anh M hiện nay là công chức, thu nhập khoảng hơn 9.000.000đồng/01 tháng, hàng tháng anh M còn trả nợ khấu chi cho các hợp đồng vay tại các ngân hàng nên việc cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000đ/01tháng/01con) là rất khó khăn đối với anh M. Hội đồng xét xử xét thấy buộc anh M cấp dưỡng nuôi 02 con Nh và K 3.000.000đồng/01 tháng/ 02 con (1.500.000đồng/01 con/01 tháng) đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi; thời gian cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

[3.4] Về tài sản chung: Chị S và anh M tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nợ chung:

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị Thúy S trình bày và yêu cầu anh Trần Thanh M trả toàn bộ các khoản nợ vay cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện KR, tỉnh K T – Phòng giao dịch huyện K Pl và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K Pl, tỉnh K T khi đến hạn chị S không phải trả các khoản nợ vay cho các ngân hàng nêu trên.

Anh M vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai và biên bản làm việc anh M cũng thừa nhận có vay và còn nợ tại các ngân hàng như đã nêu trên và lén lút ngân hàng tạo điều kiện để anh tiếp tục sử dụng vốn vay và trả nợ cho các ngân hàng khi đến hạn.

Tại phiên tòa, ông Phạm Thanh Ch đại diện ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện KR, tỉnh K T – Phòng giao dịch huyện K Pl trình bày các hợp đồng vay của anh M, chị S chưa đến hạn trả nợ nên để cho anh M, chị S tiếp tục sử dụng vốn vay sau này khi đến hạn mà anh M, chị S không trả đúng hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ vay của anh M, chị S trong vụ án Hôn nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này ngân hàng có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác

Tại phiên tòa, ông Đỗ Phú C đại diện Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K Pl, tỉnh K T trình bày các hợp đồng vay của anh M, chị S chưa đến hạn trả nợ nên để cho anh M, chị S tiếp tục sử dụng vốn vay sau này khi đến hạn mà anh M, chị S không trả đúng hạn thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản nợ vay của anh M, chị S trong vụ án Hôn

nhân và gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét. Sau này ngân hàng có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thúy S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số AA/2021/0011618 ngày 08/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K Pl, tỉnh K T. Chị S đã nộp đủ.

Anh Trần Thanh M phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 221, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 370 của Bộ luật dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 6; Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 21 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Thúy S.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thúy S được ly hôn với anh Trần Thanh M.

- Về nuôi con chung:

+ Sau khi ly hôn chị Phạm Thị Thúy S được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Phạm Quỳnh Nh S ngày 30/4/2009 và Trần Phạm Tuấn K, S ngày 02/4/2014.

+ Anh Trần Thanh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu anh M lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng lâu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị S có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh M. Quá trình nuôi dưỡng, nếu lết thấy cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Trần Thanh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con Trần Phạm Quỳnh Nh S ngày 30/4/2009 và Trần Phạm Tuấn K, S ngày 02/4/2014 mỗi tháng là 3.000.000 đồng/02 con (1.500.000đồng/01con/01 tháng).

+ Phương thức cấp dưỡng: Hàng tháng.

+ Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con Trần Phạm Quỳnh Nh , sinh ngày 30/4/2009 và Trần Phạm Tuấn K, sinh ngày 02/4/2014 đều đủ 18 tuổi.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Thúy S chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0011618 ngày 08/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K Pl. Chị S đã nộp đủ.

Anh Trần Thanh M phải nộp tiền án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Phạm Thị Thúy S, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/9/2022). Riêng bị đơn anh Trần Thanh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hay bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án được thực hiện theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K T;
- VKSND tỉnh K T;
- VKSND huyện K Pl;
- Chi cục THADS huyện K Pl;
- UBND thị trấn M Đ, huyện K Pl;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Đăng Lễ

